

**HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2021

V/v ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Mùi.

2. Ông Vũ Lương Trung Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Diệp Linh – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 119/2021/DSST-TB ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị P, sinh năm 1993, trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Đức Đ, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị P và anh Đoàn Đức Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện V ngày 28 tháng 4 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố A, thị trấn S, huyện Văn Chấn, quá trình chung sống đến tháng 4/2018 nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã với nhau, chị P nghi ngờ anh Đ không chung thủy, sau đó chị P đã bỏ đi làm ăn xa, hai vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến nay chị P xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Đức Đ. Chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Đăng ký kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân của chị P và anh Đ, các bản sao sổ hộ khẩu của các bên đương sự.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đoàn Đức Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị P đúng như chị P đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Đ cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên trong thời gian anh Đ vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án thì chị P ở nhà không làm tròn bổn phận con dâu đối với mẹ anh Đ, chị P thường xuyên đi chơi, không quan tâm đến gia đình. Sau khi anh Đ chấp hành án về thì anh Đ cũng mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị P không đồng ý về sống cùng anh Đ và mẹ chồng. Nay chị P xin ly hôn, anh Đ đồng ý với nguyện vọng của chị P. Về con chung không có. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập họp lệ nhưng anh Đ vắng mặt không lý do.

Tòa án đã tiến hành tổng Đ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Hà Thị P được ly hôn anh Đoàn Đức Đ. Chị Hà Thị P phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Đoàn Đức Đ, trú tại tổ dân phố A, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án đã tiến hành tổng Đ họp lệ Quyết

định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị P và anh Đoàn Đức Đ là vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã S (nay là thị trấn), huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của LHNGĐ, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn xin ly hôn với lý do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, đến nay không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn, cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2018. Bị đơn nhất trí với nguyện vọng xin được ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX thấy rằng: Nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn đồng ý với nguyện vọng của nguyên đơn. Theo quy định của LHNGĐ thì nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, chị P và anh Đ có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, nghĩa vụ vợ chồng không được thực hiện là đã vi phạm Điều 19 LHNGĐ. Cả hai đều không muốn níu giữ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hà Thị P và anh Đoàn Đức Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 LHNGĐ xử cho chị Hà Thị P được ly hôn anh Đoàn Đức Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Về con chung: Không có.

2.3 Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị P được ly hôn với anh Đoàn Đức Đ.

2. Chị Hà Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0000762 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, chị P đã nộp đủ.

3. Chị Hà Thị P và anh Đoàn Đức Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn ;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND TT S;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Nguyễn Thắng